

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2008/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 4 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành đơn giá bồi thường cây cối hoa màu  
gắn liền với đất khi Nhà nước thu đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 3 năm 2006;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 40/2002/PL-UBTVQH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 10 tháng 5 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều Pháp lệnh Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Thông tư số 16/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 526/TTr-TC ngày 08 tháng 4 năm 2008, về việc đề nghị phê duyệt đơn giá bồi thường cây cối hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, (kèm theo biên bản họp Liên ngành giữa Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Thái Nguyên lập ngày 05 tháng 4 năm 2008),*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đơn giá bồi thường cây cối hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, nội dung cụ thể như sau:

*(Có Bảng đơn giá bồi thường cây cối hoa màu chi tiết kèm theo Quyết định này)*

Bảng đơn giá bồi thường cây cối hoa màu theo Quyết định này chỉ áp dụng bồi thường đối với cây cối, hoa màu hiện có, đang trồng tại thời điểm kiểm kê, trồng đảm bảo theo đúng quy trình kỹ thuật, đúng mật độ, phù hợp với tiêu chuẩn giống cây theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền ban hành;

**Điều 2.** Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2008 và thay thế Quyết định số 1377/2006/QĐ-UBND ngày 04/7/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đối với các dự án đã có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, có thông báo trả tiền và đang trả tiền của chủ dự án, vẫn tiếp tục thực hiện bồi thường theo đơn giá tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 04/07/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
(Đã ký)  
**Đàm Thanh Nghị**

**PHỤ LỤC CHI TIẾT****ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY CỐI, HOA MÀU GẮN LIỀN VỚI ĐẤT  
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
<b>I</b>	<b>CÂY ĂN QUẢ</b>		
<b>1</b>	<b>Vải thiều các loại</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 1,2\text{cm}$ cao $\geq 50\text{Cm}$	"	30 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	55 000
	Cây có đường kính gốc $>3\text{Cm}$ đến 5Cm	"	95 000
	Cây có đường kính gốc $>5\text{Cm}$ đến 7Cm	"	130 000
	Cây có đường kính gốc $>7\text{Cm}$ đến 12Cm	"	175 000
	Cây có đường kính gốc $>12\text{Cm}$ đến 15Cm	"	360 000
	Cây có đường kính gốc $>15\text{Cm}$ đến 18Cm	"	455 000
	Cây có đường kính gốc $>18\text{Cm}$ đến 22Cm	"	650 000
	Cây có đường kính gốc $>22\text{Cm}$ đến 25Cm	"	1 200 000
	Cây có đường kính gốc $>25\text{Cm}$ đến 28Cm	"	1 250 000
	Cây có đường kính gốc $>28\text{Cm}$ đến 32Cm	"	1 350 000
	Cây có đường kính gốc $>32\text{Cm}$ đến 35Cm	"	1 500 000
	Cây có đường kính gốc $>35\text{Cm}$	"	1 700 000
<b>2</b>	<b>Nhãn lồng, Nhãn hương chi</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 1,2\text{cm}$ cao $\geq 50\text{Cm}$	"	40 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	55 000
	Cây có đường kính gốc $>3\text{Cm}$ đến 5Cm	"	90 000
	Cây có đường kính gốc $>5\text{Cm}$ đến 7Cm	"	130 000
	Cây có đường kính gốc $>7\text{Cm}$ đến 12Cm	"	250 000
	Cây có đường kính gốc $>12\text{Cm}$ đến 15Cm	"	520 000
	Cây có đường kính gốc $>15\text{Cm}$ đến 18Cm	"	700 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
		"	980 000
	Cây có đường kính gốc >18Cm đến 22Cm	"	1 450 000
	Cây có đường kính gốc >22Cm đến 25Cm	"	1 700 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm đến 28Cm	"	1 950 000
	Cây có đường kính gốc >28Cm đến 32Cm	"	2 100 000
	Cây có đường kính gốc >32Cm đến 35Cm	"	2 400 000
	Cây có đường kính gốc >35Cm	"	
<b>3</b>	<b>Nhãn khác, Vải ta</b>	Cây	
	Cây mới trồng ĐK gốc $\geq 1,2$ cm cao $\geq 50$ Cm	"	20 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	30 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm đến 5Cm	"	50 000
	Cây có đường kính gốc >5Cm đến 7Cm	"	65 000
	Cây có đường kính gốc >7Cm đến 12Cm	"	95 000
	Cây có đường kính gốc >12Cm đến 15Cm	"	130 000
	Cây có đường kính gốc >15Cm đến 18Cm	"	170 000
	Cây có đường kính gốc >18Cm đến 22Cm	"	220 000
	Cây có đường kính gốc >22Cm đến 25Cm	"	320 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm đến 28Cm	"	380 000
	Cây có đường kính gốc >28Cm đến 32Cm	"	430 000
	Cây có đường kính gốc >32Cm đến 35Cm	"	550 000
	Cây có đường kính gốc >35Cm	"	600 000
<b>4</b>	<b>Hồng, Xoài các loại</b>	Cây	
	Cây mới trồng ĐK gốc $\geq 1,0$ cm cao $\geq 50$ Cm	"	40 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	55 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm đến 5Cm	"	70 000
	Cây có đường kính gốc >5Cm đến 8Cm	"	130 000
	Cây có đường kính gốc >8 Cm đến 12Cm	"	170 000
	Cây có đường kính gốc >12Cm đến 15Cm	"	230 000
	Cây có đường kính gốc >15Cm đến 18Cm	"	380 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
		"	500 000
	Cây có đường kính gốc >18Cm đến 22Cm	"	550 000
	Cây có đường kính gốc >22Cm đến 25Cm	"	650 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm đến 28Cm	"	700 000
	Cây có đường kính gốc >28Cm đến 32Cm	"	900 000
	Cây có đường kính gốc >32Cm đến 35Cm	"	1 150 000
	Cây có đường kính gốc >35Cm	"	
<b>5</b>	<b>Mít, Sầu, Muồng, Quáo, Cóc</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 1,2$ cm cao $\geq 50$ Cm	"	25 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	40 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm đến 5Cm	"	70 000
	Cây có đường kính gốc >5Cm đến 8Cm	"	90 000
	Cây có đường kính gốc >8 Cm đến 20Cm	"	110 000
	Cây có đường kính gốc >20Cm đến 25Cm	"	170 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm đến 30Cm	"	300 000
	Cây có đường kính gốc >30Cm đến 35Cm	"	400 000
	Cây có đường kính gốc >35Cm đến 40Cm	"	500 000
	Cây có đường kính gốc >40Cm	"	600 000
<b>6</b>	<b>Mận, Đào, Mơ, Lê, Hồng xiêm, vú sữa</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 1,0$ cm cao $\geq 50$ Cm	"	25 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	40 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm đến 5Cm	"	50 000
	Cây có đường kính gốc >5Cm đến 8Cm	"	70 000
	Cây có đường kính gốc >8 Cm đến 12Cm	"	100 000
	Cây có đường kính gốc >12Cm đến 15Cm	"	190 000
	Cây có đường kính gốc >15Cm đến 18Cm	"	250 000
	Cây có đường kính gốc >18Cm đến 22Cm	"	280 000
	Cây có đường kính gốc >22Cm đến 25Cm	"	350 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm đến 30Cm	"	400 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây có đường kính gốc >30Cm	"	450 000
<b>7</b>	<b>Cam, Chanh, Quýt các loại</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 0,5$ cm cao $\geq 25$ Cm	"	30 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 1cm- 1,5Cm	"	40 000
	Cây trồng đường kính gốc >1,5 cm chưa cho thu hoạch quả	"	150 000
	Cây đã cho thu hoạch quả	"	300 000
<b>8</b>	<b>Bưởi các loại</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 0,5$ cm cao $\geq 30$ Cm	"	25 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	50 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm đến 5Cm	"	80 000
	Cây có đường kính gốc >5Cm đến 8Cm	"	90 000
	Cây có đường kính gốc >8 Cm đến 12Cm	"	100 000
	Cây có đường kính gốc >12Cm đến 15Cm	"	130 000
	Cây có đường kính gốc >15Cm đến 18Cm	"	160 000
	Cây có đường kính gốc >18Cm đến 25Cm	"	200 000
	Cây có đường kính gốc > 25Cm	"	220 000
<b>9</b>	<b>Lựu, Ổi, Táo các loại</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 0,4$ cm cao $\geq 30$ Cm	"	20 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	50 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm chưa cho thu hoạch quả	"	100 000
	Cây đã cho thu hoạch quả	"	200 000
<b>10</b>	<b>Chay, Trứng gà, Roi, Khế, Dọc, Tai chua</b>	Cây	
	Cây mới trồng đường kính gốc $\geq 0,4$ cm cao $\geq 30$ Cm	"	10 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3Cm	"	30 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm đến 5Cm	"	40 000
	Cây có đường kính gốc >5Cm đến 8Cm	"	70 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây có đường kính gốc >8 Cm đến 12Cm	"	100 000
	Cây có đường kính gốc >12Cm đến 15Cm	"	130 000
	Cây có đường kính gốc >15Cm đến 18Cm	"	150 000
	Cây có đường kính gốc >18Cm đến 22Cm	"	180 000
	Cây có đường kính gốc >22Cm đến 25Cm	"	200 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm	"	230 000
<b>11</b>	<b>Thị, Dâu da đất, Mắc mật, Dâu da xoan, Hồng bì</b>	Cây	
	Cây con mới trồng đường kính gốc $\geq 1,2$ cm cao $\geq 50$ cm	"	15 000
	Cây trồng đường kính gốc từ 2Cm đến 3 Cm	"	40 000
	Cây có đường kính gốc >3Cm đến 5 Cm	"	65 000
	Cây có đường kính gốc >5Cm đến 10 Cm	"	90 000
	Cây có đường kính gốc >10 Cm đến 20 Cm	"	110 000
	Cây có đường kính gốc >20Cm đến 25 Cm	"	140 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm đến 30 Cm	"	150 000
	Cây có đường kính gốc >30Cm	"	170 000
<b>12</b>	<b>Na các loại</b>	Cây	
	Cây con mới trồng đường kính gốc $\geq 0,2$ cm cao $\geq 25$ cm	"	10 000
	Cây trồng đường kính gốc $\leq 2$ cm	"	30 000
	Cây trồng chưa có quả đường kính gốc >2Cm	"	100 000
	Cây trồng đã cho thu hoạch quả	"	160 000
<b>13</b>	<b>Đu đủ các loại</b>	Cây	
	Cây con mới trồng đường kính gốc $\geq 0,2$ cm cao $\geq 15$ cm	"	5 000
	Cây trồng đường kính gốc $\leq 2$ cm	"	7 000
	Cây trồng chưa có quả ĐK gốc >2Cm	"	20 000
	Cây trồng đã cho thu hoạch quả	"	70 000
<b>14</b>	<b>Cau lấy quả các loại</b>	Cây	
	Cây con mới trồng thân cao $\geq 30$ cm	"	30 000
	Cây trồng trên 1 năm , cao > 50cm	"	70 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây trồng chưa có quả	"	100 000
	Cây cho thu hoạch quả	"	250 000
<b>15</b>	<b>Dừa lấy quả</b>	Cây	
	Cây con mới trồng thân cao $\geq 50$ Cm	"	50 000
	Cây trồng >2 năm thân cao <2m	"	100 000
	Cây trồng chưa cho thu hoạch quả	"	150 000
	Cây đã cho thu hoạch quả	"	400 000
<b>16</b>	<b>Nho, Nhót các loại</b>		
	Tán lá rộng < 3 m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	5 000
	Tán lá rộng từ 3 -5 m <sup>2</sup>	"	10 000
	Tán lá rộng > 5 m <sup>2</sup>	"	20 000
<b>17</b>	<b>Thanh long</b>	Bụi	
	Cây mới trồng thân cao $\geq 30$ Cm	"	5 000
	Cây trồng chưa có quả đường kính gốc >2Cm	"	20 000
	Cây trồng đã cho thu hoạch quả	"	70 000
<b>18</b>	<b>Dứa</b>	"	
	Cây con mới trồng dưới 3tháng	Cây	1 000
	Cây trồng từ 3-6 tháng	md	1 200
	Cây trồng chuẩn bị đến kỳ cho thu hoạch	"	3 500
	Cây trồng đang cho thu hoạch (1m trồng 3 bụi)	"	7 000
<b>19</b>	<b>Chuối các loại</b>		
	Cây mới trồng từ 3-6 tháng	Cây	3 000
	Cây nhánh có thân cao > 0,7m	"	2 000
	Cây chưa có buồng non	"	10 000
	Cây có buồng non	"	30 000
<b>II</b>	<b><u>CÂY CÔNG NGHIỆP</u></b>		
<b>1</b>	<b>Mía các loại</b>	md	
	Cây mới trồng dưới 3 tháng	"	3 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây mía tơ trồng $\geq 3$ tháng đến 12 tháng	"	5 000
	Mía gốc trồng dưới 3 năm; Mía đến vụ thu hoạch	"	7 000
	Gốc ủ chờ khai thác vụ sau (dưới 3 năm)	"	5 000
	Gốc Mía trồng > 3 năm (Không bồi thường)		
<b>2</b>	<b>Cây cọ lấy lá</b>	Cây	
	Cây mới trồng có thân cao > 30Cm	"	20 000
	Cây có thân cao từ 1m đến 3m	"	30 000
	Cây có thân cao từ 3 đến 7m	"	50 000
	Cây cao trên 7 m (đã già cỗi) bồi thường công chặt hạ	"	50 000
<b>3</b>	<b>Cà phê</b>	Cây	
	Cây con mới trồng đường kính gốc 0,4-0,5Cm cao >20Cm	"	4 000
	Cây có đường kính gốc > 0.5Cm đến 1cm	"	8 000
	Cây trồng chuẩn bị đến thời kỳ kinh doanh chưa cho thu hoạch	"	30 000
	Cây trồng đã cho thu hoạch sản lượng	"	60 000
<b>4</b>	<b>Chè xanh trồng cành các loại</b>		
	Cây con mới trồng đường kính gốc 0,4 - 0,5Cm cao >20Cm	Cây	1 400
	Cây trong thời kỳ kiến thiết cơ bản đường kính gốc >0,5Cm	m <sup>2</sup>	8 000
	Cây trong thời kỳ kinh doanh tán lá >0,3m <sup>2</sup> đến 0,49m <sup>2</sup>	"	10 000
	Cây trong thời kỳ kinh doanh tán lá $\geq 0,5m^2$	"	12 000
	Cây già cỗi	"	1 000
<b>5</b>	<b>Chè trồng hạt</b>	"	
	Cây trồng lên mầm qua mặt đất 10Cm	Cây	900
	Cây trồng đường kính gốc 0,4-0,5Cm cao >25Cm	m <sup>2</sup>	1 000
	Cây trong thời kỳ kiến thiết cơ bản đường kính gốc >0,5Cm	"	6 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây trong thời kỳ kinh doanh tán lá >0,3m <sup>2</sup> đến 0,4m <sup>2</sup>	"	7 500
	Cây trong thời kỳ kinh doanh tán lá > 0,4m <sup>2</sup>	"	9 000
	Cây già cỗi	"	1 000
<b>6</b>	<b>Cây dâu nuôi tầm</b>		
	Cây con mới trồng đường kính gốc cao ≥ 30Cm	Cây	600
	Cây trong thời kỳ kiến thiết cơ bản 3 năm đầu	m2	3 000
	Cây trong thời kỳ kinh doanh	"	3 500
<b>7</b>	<b>Chè đắng, Vối</b>		
	Cây con mới trồng đường kính gốc ≥ 0,5 cao ≥ 30Cm	Cây	7 000
	Cây cao từ 1-2m	"	15 000
	Cây cao từ >2m-5m	"	80 000
	Cây cao trên > 5m	"	100 000
<b>8</b>	<b>Quế</b>	Cây	
	Cây mới trồng có đường kính gốc >0,5Cm cao ≥40Cm	"	5 000
	Cây có đường kính từ 2 Cm đến < 5Cm	"	8 500
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10Cm	"	25 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20Cm	"	50 000
	Cây có đường kính từ 20 đến < 30Cm	"	100 000
	Cây có đường kính từ 30 đến < 40Cm	"	200 000
	Cây có đường kính ≥ 40Cm	"	300 000
<b>9</b>	<b>Hồi</b>	Cây	
	Cây mới trồng có đường kính gốc >0,5Cm cao ≥40Cm	"	13 000
	Cây có đường kính từ 2 Cm đến < 5Cm	"	20 000
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10Cm	"	50 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20Cm	"	100 000
	Cây có đường kính từ 20 đến < 30Cm	"	170 000
	Cây có đường kính ≥30	"	280 000
<b>10</b>	<b>Trầu, Sở</b>	Cây	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây mới trồng có đường kính gốc >0,5Cm cao $\geq$ 40Cm	"	5 000
	Cây có đường kính từ 2 Cm đến < 5Cm	"	8 000
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10Cm	"	20 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20Cm	"	50 000
	Cây có đường kính từ 20 đến < 30Cm	"	120 000
	Cây có đường kính $\geq$ 30	"	200 000
<b>11</b>	<b>Hoa hoè (Tương đương hồi về chi phí trồng)</b>	Cây	
	Cây mới trồng có đường kính gốc >0,5Cm cao $\geq$ 40Cm	"	13 000
	Cây có đường kính từ 2 Cm đến < 5Cm	"	20 000
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10Cm	"	120 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20Cm	"	200 000
	Cây có đường kính $\geq$ 20Cm	"	300 000
<b>III</b>	<b><u>CÂY BÓNG MÁT, CÂY CẢNH</u></b>	"	
<b>A</b>	<b><u>CÂY BÓNG MÁT</u></b>		
<b>1</b>	<b>Bàng, Phượng vĩ</b>	Cây	
	Cây mới trồng cao trên 2m đường kính < 5 Cm	"	12 000
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10Cm	"	20 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20Cm	"	50 000
	Cây có đường kính từ 20 đến < 30Cm	"	100 000
	Cây có đường kính $\geq$ 30 Cm	"	150 000
<b>2</b>	<b>Bằng lăng, Hoa sữa, Trứng cá và các cây tương tự</b>	Cây	
	Cây mới trồng cao trên 2m đường kính < 5Cm	"	22 000
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10Cm	"	30 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20Cm	"	60 000
	Cây có đường kính từ 20 đến < 30Cm	"	130 000
	Cây có đường kính $\geq$ 30Cm	"	150 000
<b>3</b>	<b>Cây dây leo</b>	Khóm	
	Hoa giấy, Châm bầu và cây tương tự trồng đất	"	20 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
<b>4</b>	<b>Cây ngọc lan</b>	Cây	
	Cây cao trên 2m đường kính < 5 Cm (mới trồng)	"	55 000
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10 Cm	"	60 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20 Cm	"	100 000
	Cây có đường kính từ 20 đến < 30 Cm	"	150 000
	Cây có đường kính 30 Cm đến < 40 Cm	"	240 000
	Cây cổ thụ có đường kính $\geq$ 40 cm	"	280 000
<b>B</b>	<b><u>CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT Ở; ĐẤT NN CÙNG THỬA VỚI ĐẤT Ở</u></b>	Cây	
1	Cây dừa cảnh ;Ngâu cao 60Cm trở lên	"	68 000
2	Cây cọ cảnh thân cao 50Cm trở lên	"	82 000
3	Cây thiên tuế cao 50Cm trở lên	"	20 000
4	Cây xanh, Cây si, sung cảnh cao 50Cm trở lên	"	20 000
5	Tùng bách tán rộng 50Cm trở lên	"	30 000
6	Thuyết mộc lan cao 50Cm trở lên	"	20 000
7	Huyết dụ, Chuối cảnh, Trạng nguyên cao 60Cm trở lên	"	10 000
8	Quỳnh, Giao, Dạ hương	"	20 000
9	Cây lá láng, Đuôi lợn, Lưỡi hổ; là màu	Khóm	5 000
10	Mây cảnh cao 50Cm trở lên	"	20 000
11	Ngũ gia bì cao 50Cm trở lên	"	20 000
12	Dâm bụt cao 50Cm trở lên	"	5 000
13	Xương rồng cao 50Cm trở lên	"	10 000
14	Trúc nhật cao 50Cm trở lên	"	10 000
<b>15</b>	<b>Cây quất</b>		
	Cây mới trồng đường kính $\geq$ 0,5Cm cao $\geq$ 30Cm	Cây	7 000
	Cây trồng đường kính gốc $\leq$ 2Cm	"	50 000
	Cây trồng đường kính gốc > 2Cm	"	100 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
16	<b>- Đối với cây Xưa, cây cảnh là cây thế, cây cổ thụ, cây trồng chậu; cây cảnh có giá trị cao hỗ trợ công di chuyển</b>		
	<b>- Cây trồng chậu</b>		
	Cây trồng chậu có đường kính $\leq 30\text{Cm}$	Chậu	2 000
	Cây trồng chậu có đường kính $> 30\text{Cm}$ đến $50\text{Cm}$	"	5 000
	Cây trồng chậu có đường kính $> 50\text{Cm}$ đến $90$	"	10 000
	Cây trồng chậu có đường kính $> 90\text{Cm}$	"	50 000
	<b>- Cây Xưa, cây cảnh là cây cổ thụ, cây thế... trồng đất</b>	Cây	
	Cây có đường kính $> 20\text{Cm}$	"	150 000
	Cây có đường kính từ $10\text{Cm}$ đến $20\text{Cm}$	"	100 000
	Cây có đường kính từ $3\text{Cm}$ đến $<10\text{Cm}$	"	30 000
	Cây có đường kính $< 3\text{Cm}$	"	5 000
<b>C</b>	<b><u>Cây trồng làm hàng rào</u></b>		
	Các loại làm hàng rào cao $> 50\text{Cm}$ trở lên trồng dày như: (Râm bụt, Xương rồng, Mây gai, Găng ...)	đài	10 000
<b>IV</b>	<b><u>CÂY LÁY GỖ</u></b>		
<b>1</b>	<b>Cây trong thời kỳ đầu tư cơ bản</b>	Cây	
	Cây cao $< 50\text{Cm}$ đường kính gốc $< 0,5\text{Cm}$	"	1 000
	Cây cao $\geq 50\text{Cm}$ đường kính gốc $\geq 2\text{cm}$	"	5 000
	Cây có đường kính gốc $> 2\text{cm}$ - đến $\leq 5\text{Cm}$	"	10 000
	Cây có đường kính gốc $> 5\text{cm}$ - đến $\leq 10\text{Cm}$	"	25 000
	Cây có đường kính gốc $> 10\text{cm}$ - đến $< 20\text{Cm}$	"	35 000
<b>2</b>	<b>Cây đến thời kỳ khai thác ( Bồi thường công chặt hạ)</b>	"	
	Cây có đường kính gốc từ $20$ đến $< 30\text{Cm}$	"	60 000
	Cây có đường kính gốc từ $30\text{Cm}$ đến $35\text{Cm}$	"	90 000
	Cây có đường kính gốc từ $35\text{Cm}$ đến $40\text{Cm}$	"	160 000
	Cây có đường kính gốc $> 40\text{Cm}$	"	280 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
<b>3</b>	<b>Tre gai, Tre ngà, hóp</b>		
	Khóm mới trồng đường kính gốc $\geq 5$ Cm	Khóm	10 000
	Cây non, cây bánh tẻ	Cây	12 000
	Măng đường kính gốc $> 5$ Cm, cao từ 1,5 m trở lên	"	5 000
	Cây già đường kính gốc 5 Cm trở lên (Bồi thường công chặt hạ)	"	12 000
<b>4</b>	<b>Mai, Nghệ, Hóc, Luồng</b>		
	Khóm mới trồng đường kính gốc $\geq 5$ Cm	Khóm	12 000
	Cây non, cây bánh tẻ	Cây	18 000
	Măng đường kính gốc 5 Cm, cao từ 1,5 m trở lên	"	6 000
	Cây già đường kính gốc 5 Cm trở lên (Bồi thường công chặt hạ)	"	12 000
<b>5</b>	<b>Hóp, Vầu, Dùm</b>	0	
	Khóm mới trồng đường kính gốc $\geq 4$ Cm	Khóm	6 000
	Cây non, cây bánh tẻ	Cây	7 000
	Măng đường kính gốc $\geq 4$ Cm, cao từ 1,5 m trở lên	"	4 000
	Cây già đường kính gốc 4 Cm trở lên (Bồi thường công chặt hạ)	"	5 000
<b>6</b>	<b>Nứa các loại</b>		
	Bụi còn nhỏ chưa cho thu hoạch có từ 02 cây non trở lên	Bụi	10 000
	Nứa đã cho thu hoạch cây đường kính gốc $\leq 3$ Cm	Cây	1 000
	Nứa đã cho thu hoạch cây đường kính gốc $> 3$ Cm	"	5 000
<b>7</b>	<b>Bò kết</b>		
	Cây trồng có độ cao $< 50$ Cm đường kính gốc $< 0,5$ Cm	Cây	4 000
	Cây trồng đường kính gốc $> 0,5$ đến $\leq 2$ cm cao $\geq 0,8$ m	"	7 000
	Cây có đường kính gốc $> 2$ Cm đến 5 Cm	"	12 000
	Cây có đường kính gốc $> 5$ Cm đến 10 Cm	"	50 000
	Cây có đường kính gốc $> 10$ Cm đến 20 Cm	"	80 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây có đường kính gốc >20Cm đến 25 Cm	"	140 000
	Cây có đường kính gốc >25Cm đến 30 Cm	"	200 000
	Cây có đường kính gốc >30Cm	"	250 000
<b>8</b>	<b>Cây Trám các loại</b>	Cây	
	Cây mới trồng có đường kính $\geq 0.5$ Cm cao $\geq 50$ Cm	"	6 000
	Cây trồng có đường kính từ 1cm đến < 2 Cm	"	13 000
	Cây có đường kính từ 2 cm đến < 3 Cm	"	20 000
	Cây có đường kính từ 3 đến < 5 Cm	"	30 000
	Cây có đường kính từ 5 đến < 10 Cm	"	40 000
	Cây có đường kính từ 10 đến < 20 Cm	"	100 000
	Cây trám có đường kính từ 20 đến < 30Cm	"	200 000
	Cây trám có đường kính từ 30 đến < 40Cm	"	350 000
	Cây trám có đường kính từ 40 đến < 50Cm	"	500 000
	Cây trám có đường kính > 50Cm	"	700 000
<b>9</b>	<b>Cây vườn ươm các loại đủ tiêu chuẩn vườn ươm</b>		
	Di chuyển cây giống trong bầu (20 cây/m <sup>2</sup> )	m2	20 000
	Di chuyển cây ăn quả trồng đất đủ tiêu chuẩn xuất giống (50 cây/m <sup>2</sup> )	"	50 000
	Di chuyển cây ăn quả trồng đất chưa đủ tiêu chuẩn xuất giống (50 cây/m <sup>2</sup> )	"	50 000
	Di chuyển cây LN, cây CN trồng đất đủ tiêu chuẩn xuất giống (70 cây/m <sup>2</sup> )	"	30 000
	Cây lâm nghiệp trồng đất chưa đủ tiêu chuẩn xuất giống (70 cây/m <sup>2</sup> )	"	30 000
<b>V</b>	<b><u>CÂY LƯƠNG THỰC, RAU MÀU, HOA VÀ CÁC LOẠI CÂY NGẮN NGÀY</u></b>		
<b>1</b>	<b>Gác, Mướp, Bầu, Bí, Xu xu, Sắn dây</b>		
	Cây mới trồng tán lá rộng < 5m <sup>2</sup>	m2	3 000
	Cây có tán lá rộng từ > 5 m <sup>2</sup>	"	5 000

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá thanh toán (đồng)
	Cây đang vụ thu hoạch (Không bồi thường)	"	
<b>2</b>	<b>Đỗ ván, Trâu không, Thiên lý; Lá mơ lông</b>	m <sup>2</sup>	
	Cây mới trồng tán lá rộng < 5m <sup>2</sup>	"	5 000
	Cây có tán lá rộng từ > 5 m <sup>2</sup>	"	10 000
<b>3</b>	<b>Cây trồng hàng năm bồi thường theo sản lượng</b>		
	- Lúa đang trồng	m <sup>2</sup>	5 000
	- Cỏ chăn nuôi, cây mầu đang trồng (khoai, sắn, đỗ, lạc...)	"	4 500
	- Rau đang trồng các loại	"	6 000
	- Hoa đang trồng các loại	"	10 000
<b>5</b>	<b>Bồi thường sản lượng nuôi trồng thủy sản</b>		
	- Ao hồ nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	6 000

- Chú ý: Đối với cây ăn quả, cây lâm nghiệp, cây xanh đường phố có đường kính lớn > 50 Cm bồi thường công chặt hạ; Cây có đường gốc 50 Cm công chặt hạ là: 280 000đ/cây; Cây cứ tăng thêm 1Cm đường kính gốc, công chặt hạ tăng thêm 5% so với đơn giá của cây có đường kính gốc liền kề.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN